**6. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản.**

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A - Đường Nguyễn Chí Thanh - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh).

Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ chuyên môn hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Cán bộ chuyên môn có trách nhiệm chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Phòng Khoáng sản để giải quyết theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản trả về Trung tâm hành chính công tỉnh để thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Đến hẹn, Trung tâm hành chính công Tỉnh trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí cho Trung tâm (nếu có) theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính tất cả các ngày làm việc trong tuần.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (theo Mấu số 07 kèm theo); bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản (ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản).

b) Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ

 4. Thời hạn giải quyết: Không quá 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

 - Sở Tài nguyên và Môi trường: 23 ngày

 - Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản được quy định cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản | Mức thu (đồng/giấy phép) |
| 1 | Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: |   |
| 1.1 | Có công suất khai thác dưới 5.000 m3/năm; | 1.000.000 |
| 1.2 | Có công suất khai thác từ 5.000 m3 đến 10.000 m3/năm; | 10.000.000 |
| 1.3 | Có công suất khai thác trên 10.000 m3/năm. | 15.000.000 |
| 2 | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: |   |
| 2.1  | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm |  15.000.000 |
| 2.2 | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này |    20.000.000 |
| 2.3 | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này. |   30.000.000 |
| 3 | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng. |  40.000.000 |
| 4 | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã qui định tại điểm 1,2,3,6,7 của Biểu mức thu này: |    |
| 4.1 | Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; | 40.000.000 |
| 4.2 | Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. | 50.000.000 |
| 5 | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã qui định tại điểm 2,3,6 của biểu mức thu này. |  60.000.000  |
| 6 | Giấy phép khai thác khoáng sản quí hiếm. | 80.000.000 |
| 7 | Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại. | 100.000.000 |

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản *(Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Ý kiến của các cơ quan hữu quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy địnhmức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

*Mẫu số 07*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

 Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

 (Uỷ ban nhân dân tỉnh/thành phố.........)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:............................................... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số...., ngày.... tháng... năm.... do.... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm.... do.... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò (tên khoáng sản)……tại xã............ huyện...... tỉnh...... đã được ............ (cơ quan phê duyệt) phê duyệt theo Quyết định số ....... ngày.... tháng.... năm........

Trữ lượng ........ (tên khoáng sản) được phê duyệt: ........... (tấn, m3,...).

Đề nghị được cấp phép khai thác (tên khoáng sản).......... tại khu vực ... thuộc xã............. huyện............ tỉnh............. với các nội dung như sau:

Diện tích khu vực khai thác:............... (ha, km2), được giới hạn bởi các điểm góc:.......... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:........ (tấn, m3, ....).

Trữ lượng khai thác:............ (tấn, m3,...).

Phương pháp khai thác:........... (Hầm lò/lộ thiên).

Công suất khai thác:................. (tấn, m3,...) /năm

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mức .... m.

Thời hạn khai thác:........ năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là:….năm (tháng).

Mục đích sử dụng khoáng sản:......................................................................

*Đối với trường hợp đề nghị cấp phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số*:

 Số hiệu, C.sâu Tọa độ Lưu lượng Hạ thấp Mức nước Ghi chú

 GK (m) X Y (m3/ngày) Smax (m) tĩnh (m)

(Tên tổ chức, cá nhân)................... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

 **Tổ chức, cá nhân làm đơn**

 (Ký tên, đóng dấu)